

Bản án số: 18/2024/HNGĐ-ST

Ngày 14/6/2024

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO YÊN, TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm cả

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Bá Đường

2. Bà Phạm Thị Dung

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

Ngày 14 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 38/2024/TLST-HNGĐ ngày 03/4/2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/5/2024 giữa các đương sự

1. **Nguyên đơn:** Chị Bùi Thị D - Sinh năm 1977.

Địa chỉ: Bản L 4, xã B, huyện B 1, tỉnh Lào Cai.

Có mặt tại phiên tòa.

2. **Bị đơn:** Anh Đỗ Quang T - Sinh năm 1970.

Địa chỉ: Bản L 4, xã B, huyện B 1, tỉnh Lào Cai.

Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 28/3/2024, bản tự khai ngày 03/4/2024 và lời khai tại phiên tòa của chị Bùi Thị D thì chị và anh Đỗ Quang T về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993, không có đăng ký kết hôn và hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi về chung sống, anh chị sống hoà thuận hạnh phúc được 15 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp hay bất đồng quan điểm trong làm ăn kinh tế và nuôi dạy con cái, ngoài ra anh Đỗ Quang T không quan tâm giúp đỡ gia đình, con cái dẫn đến thường xuyên cãi chửi nhau. Vì vậy mâu thuẫn của anh chị ngày càng trầm trọng và anh chị đã ly thân từ đầu năm 2024 cho đến nay nên chị đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Đỗ Quang T.

Đối với anh Đỗ Quang T, trong quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh đều vắng mặt và cũng không có văn bản trả lời ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện. Tuy nhiên tại

phiên tòa hôm nay, anh cũng thừa nhận mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong làm ăn tạo dựng cuộc sống dẫn đến thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn không thể khắc phục và anh cũng đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn theo quy định.

Về con chung: Hai anh chị xác nhận trong thời gian chung sống có 02 con chung là cháu Đỗ Quang T 1, sinh ngày 19/4/1994 và cháu Đỗ Hương G, sinh ngày 26/01/1996. Các cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường và trưởng thành có gia đình riêng nên anh, chị không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung.

Về tài sản và công nợ chung:

Hai anh chị không yêu cầu giải quyết tài sản chung; không nợ ai và không cho ai vay mượn gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với vụ án này, nguyên đơn cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án, bị đơn không cung cấp tài liệu chứng cứ gì. Tại phiên tòa hôm nay chị Bùi Thị D và anh Đỗ Quang T đều yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngày 28/3/2024, chị Bùi Thị D khởi kiện yêu cầu về ly hôn đối với anh Đỗ Quang T nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Hiện nay anh Đỗ Quang T đang cư trú tại bản L 4, xã B, huyện B 1, tỉnh Lào Cai nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

[2]. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị D và anh Đỗ Quang T về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993, tuy anh chị có thời gian chung sống đã lâu và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán nhưng anh chị lại không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, anh chị sống hoà thuận hạnh phúc được 15 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp hay bất đồng quan điểm trong làm ăn kinh tế và nuôi dạy con cái, ngoài ra anh Đỗ Quang T không quan tâm, giúp đỡ gia đình, con cái dẫn đến thường xuyên cãi chửi nhau và anh chị đã ly thân từ đầu năm 2024 cho đến nay nên anh, chị đều nghị Tòa án giải quyết ly hôn theo quy định của pháp luật.

Việc anh và chị chung sống như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng nên việc xin ly hôn hay thuận tình ly hôn của anh chị, Hội đồng xét xử không thể chấp nhận mà cần tuyên bố không công nhận chị Bùi Thị D và anh Đỗ Quang T là vợ chồng là phù hợp với khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về con chung: Hai anh chị xác nhận có 02 con chung đều khỏe mạnh, phát triển bình thường và đã trưởng thành có gia đình riêng, không yêu cầu giải quyết

việc nuôi dưỡng chăm sóc con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản và công nợ chung: Chị Bùi Thị D và anh Đỗ Quang T không yêu cầu giải quyết về tài sản; không nợ ai và không cho ai vay mượn gì nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Bùi Thị D phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử không công nhận chị Bùi Thị D và anh Đỗ Quang T là vợ chồng.

2. Về án phí: Chị Bùi Thị D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0001225 ngày 03/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai; Chị Bùi Thị D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn và bị đơn. Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án;

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Bảo Yên (2);
- THADS huyện Bảo Yên (2);
- UBND xã B, huyện B 1;
- Đường sự (02);
- Lưu HS, TA, VP .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Nam

